



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
Số: 29/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 22 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình công tác quản lý, bình ổn trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 và tình hình thu, chi ngân sách đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo điều hành giá và Bộ Tài chính tại Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 31/12/2025 về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026, góp phần chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ nhân dân đón Tết Nguyên đán vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm và căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính); UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính - Cục Quản lý giá về tình hình giá thị trường trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán năm 2026 và tình hình thu, chi ngân sách trước Tết năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (thời điểm từ ngày 10/02/2026 đến ngày 21/02/2026, nhằm ngày 23 tháng chạp âm lịch năm Ất Tỵ đến ngày mùng 05 tháng Giêng âm lịch năm Bính Ngọ), cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH GIÁ THỊ TRƯỜNG TRƯỚC, TRONG VÀ SAU TẾT NGUYÊN ĐÁN BÍNH NGỌ NĂM 2026 (thời điểm từ ngày 23 tháng chạp âm lịch năm Ất Tỵ đến mùng 05 tháng Giêng âm lịch năm Bính Ngọ)

Qua theo dõi tình hình thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 cho thấy, do ảnh hưởng kéo dài của mưa lũ khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh bị gián đoạn, thu nhập của một bộ phận người lao động giảm sút, nên nhu cầu mua sắm Tết của người dân nhìn chung không sôi động như năm trước. Bên cạnh hình thức mua sắm truyền thống tại chợ và siêu thị, người tiêu dùng có xu hướng gia tăng mua sắm trực tuyến. Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo, điều hành kịp thời của Chính phủ và UBND tỉnh với các giải pháp đồng bộ nhằm bảo đảm cân đối cung - cầu và bình ổn giá cả, tình hình thị trường hàng hóa và giá cả trên địa bàn tỉnh trước, trong và sau Tết cơ bản ổn định.

Để phục vụ nhu cầu mua sắm tăng cao của người dân, tại các siêu thị trên địa bàn tỉnh lịch hoạt động được kéo dài và mở cửa hoạt động sớm trong những ngày cận Tết và hầu hết các siêu thị trên địa bàn tỉnh đều triển khai các chương trình khuyến mại, giảm giá như:

- Hệ thống siêu thị Coop Mart: đã triển khai các chương trình khuyến mại, giảm giá từ ngày 29/01/2026 đến 12 giờ 00 phút ngày 16/02/2026 với nhiều hình thức khuyến mại như là bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (bằng hình thức giảm giá); bán hàng có kèm theo phiếu mua hàng; rinh giỏ quà tết nhận chiết khấu lên đến 15%; giá sốc giảm tận gốc...¹

- Chi nhánh Công ty TNHH MM Mega market (Việt Nam): triển khai chương trình khuyến mại diễn từ ngày 07/02/2026 đến ngày 16/02/2026 theo từng các mặt hàng với từng mức khuyến mại giảm giá cho các sản phẩm quen thuộc hoặc hình thức mua 01 tặng 01, mua 02 tặng 01...²

- Hệ thống Siêu thị Go: đã triển khai các chương trình khuyến mại, giảm giá theo từng thời điểm (từ ngày 19/01/2026 đến ngày 12/02/2026; từ ngày 30/01/2026 đến ngày 12/02/2026; từ ngày 05/02/2026 đến ngày 11/02/2026...) theo từng các mặt hàng với mức khuyến mại, giảm sâu tùy từng mặt hàng, mua 01 tặng 01...³

1. Thực phẩm tươi sống

Càng gần đến Tết nhu cầu tiêu thụ thịt gia súc, gia cầm, thủy hải sản để phục vụ cúng giỗ, chấp mả, tất niên... sẽ có xu hướng tăng so với ngày thường nhưng nhờ nguồn cung tại các siêu thị và chợ truyền thống vẫn đảm bảo nên giá cả ít có sự biến động lớn so với ngày thường. Thủy hải sản tại các siêu thị, các chợ bán lẻ có biến động tăng, giảm tùy loại; những ngày cận Tết có thể tăng gấp hai lần so với ngày thường do ngư dân không còn đánh bắt và nhu cầu tiêu thụ tăng.

1.1. Từ ngày 10/02/2026 đến ngày 14/02/2026 (nhằm ngày 23 tháng chạp đến ngày 27 tháng chạp âm lịch)

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Co.op Mart	Tại các chợ
Thịt bò đùi	đ/kg	265.000 (giá gốc là 279.000)	289.000	250.000
Thịt heo nạc thăn	đ/kg	145.900	145.000	140.000
Thịt đùi heo	đ/kg	109.000 (giá gốc là 129.000)	135.000 (giá gốc là 145.000)	140.000

1. Hệ thống siêu thị Co.op Mart:

- Từ ngày 09/02 đến ngày 12/02/2026 (tức ngày 22 - 25 tháng chạp AL) mở cửa từ 07h00 - 22h00
- Từ ngày 13/02 đến ngày 15/02/2026 (tức ngày 26 - 28 tháng chạp AL) mở cửa từ 06h00 - 23h00
- Ngày 16/02/2026 (tức ngày 29 tháng chạp AL) mở cửa từ 06h00 - 12h00
- Từ ngày 17/02 đến ngày 19/02/2026 (từ mùng 01 đến mùng 03 Tết AL): nghỉ Tết
- Hoạt động trở lại bắt đầu từ ngày 22/02/2026 (tức mùng 06 Tết AL)

2. Hệ thống Mega market:

- Từ ngày 10/02 đến ngày 15/02/2026 (tức ngày 23 - 28 tháng chạp AL) mở cửa phục vụ từ 07h00 - 22h00
- Ngày 16/02/2026 (tức ngày 29 tháng chạp AL) đóng cửa lúc 12h00
- Từ ngày 17/02 đến ngày 19/02/2026 (tức mùng 01 đến mùng 03 Tết AL): nghỉ Tết
- Hoạt động trở lại bắt đầu từ ngày 20/02/2026 (tức mùng 04 Tết AL)

3. Hệ thống Siêu thị Go:

- Từ ngày 06/02 đến ngày 15/02/2026 (tức ngày 19 - 28 tháng chạp AL) mở cửa phục vụ từ 07h30 - 23h00
- Ngày 16/02/2026 (tức ngày 29 tháng chạp AL) mở cửa từ 07h00 - 12h00
- Ngày 17/02/2026 (mùng 01 Tết AL): tạm nghỉ
- Hoạt động trở lại bắt đầu từ 10h00 ngày 18/02/2026 (mùng 02 Tết AL)

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Co.op Mart	Tại các chợ
Sườn non	đ/kg	203.900	193.000	170.000 - 180.000
Ba rọi	đ/kg	155.000 (giá gốc là 159.000)	170.000	150.000 - 160.000
Thịt cốt lếch heo	đ/kg	120.000	112.500 (giá gốc là 125.000)	130.000 - 140.000
Chân giò heo	đ/kg	122.900	116.000	100.000 - 110.00
Xương ống heo	đ/kg	103.900	85.000	80.000
Trứng gà công nghiệp	đ/chục	30.600	30.600 - 31.500	28.000 - 30.000 - 32.000
Trứng vịt	đ/chục	38.700	41.000	35.000 - 40.000

1.2. Từ ngày 15/02/2026 đến ngày 16/02/2026 (nhằm ngày 28 tháng chạp đến ngày 29 tháng chạp âm lịch)

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Co.op Mart	Tại các chợ
Thịt bò đùi	đ/kg	265.000 (giá gốc là 279.000)	289.000	260.000 - 270.000
Thịt heo nạc thăn	đ/kg	164.900	145.000	140.000 - 170.000
Thịt đùi heo	đ/kg	164.000 giá giảm còn 114.900 (trước 12h ngày 29 tháng chạp âm lịch đóng cửa)	135.000 (giá gốc là 145.000)	140.000 - 175.000
Sườn non	đ/kg	194.000	193.000	180.000 - 200.000
Ba rọi	đ/kg	165.000	170.000	170.000 - 180.000
Thịt cốt lếch heo	đ/kg	123.000	112.500 (giá gốc là 125.000)	130.000 - 150.000
Chân giò heo	đ/kg	134.000	116.000	120.000
Xương ống heo	đ/kg	143.000 giá giảm còn 114.000 (trước 12h ngày 29 tháng chạp âm lịch đóng cửa)	85.000	90.000 - 110.000
Trứng gà công nghiệp	đ/chục	30.600	30.600 - 31.500	28.000 - 30.000 - 32.000
Trứng vịt	đ/chục	38.700	41.000	35.000 - 40.000

Giá các mặt hàng thịt gia súc, gia cầm (thịt bò, thịt heo) vẫn giữ nguyên giá theo chương trình khuyến mãi tại các siêu thị (đến cuối ngày 29 tháng chạp AL vào trước

thời điểm đóng cửa 12 giờ của các siêu thị thì lượng thịt heo, thịt bò tại các quầy còn rất ít hàng). Tại một số chợ trên địa bàn từ ngày 28 đến ngày 29 tháng chạp AL thì giá các mặt hàng thịt gia súc, gia cầm (thịt bò, thịt heo) có biến động giá tăng thêm từ 10.000 đồng/kg đến 20.000 đồng/kg (tùy mỗi loại).

1.3. Từ ngày 18/02/2026 đến ngày 21/02/2026 (nhằm mừng 02 Tết đến mừng 05 Tết âm lịch)

Thời điểm từ mừng 02 đến mừng 05 Tết AL tại các chợ đã có một số ít tiểu thương hoạt động buôn bán trở lại (mùng 02 và mùng 03 AL bán vào buổi sáng, từ mùng 04 đến mùng 05 là bán cả buổi sáng, buổi chiều) và so với mọi năm thì giá cả các mặt hàng thịt gia súc, gia cầm các loại trước Tết và sau Tết không có sự biến động nhiều, giá cả cũng không có sự thay đổi đáng kể, cụ thể như sau:

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go (hoạt động trở lại từ 10h00 mùng 2 Tết AL)	Siêu thị Mega market (hoạt động trở lại từ 8h00 mùng 4 Tết AL)	Tại các chợ
Thịt bò đùi	đ/kg	265.000 (giá gốc là 279.000)	267.000	250.000 - 270.000
Thịt heo nạc thăn	đ/kg	164.000	144.400 (giá gốc là 152.000)	130.000 - 140.000
Thịt đùi heo	đ/kg	114.900 (giá gốc là 129.000)	127.300 (giá gốc là 134.000)	140.000 - 220.000
Sườn non	đ/kg	194.000	184.300 (giá gốc là 194.000)	160.000 - 200.000
Ba rọi	đ/kg	165.000	-	160.000 - 220.000
Thịt cốt lếch heo	đ/kg	123.000	122.500	130.000 - 170.000
Chân giò heo	đ/kg	134.000	-	120.000 - 140.000
Xương ống heo	đ/kg	114.900	-	100.000 - 120.000
Trứng gà công nghiệp	đ/chục	30.600	32.000	30.000
Trứng vịt	đ/chục	-	-	30.000 - 35.000 - 38.000

2. Rau, củ, hoa, quả

2.1 Rau, củ

a) Từ ngày 10/02/2026 đến ngày 16/02/2026 (nhằm ngày 23 tháng chạp đến ngày 29 tháng chạp âm lịch)

Giá rau, củ tại các chợ và các siêu thị có sự chênh lệch lớn do các sản phẩm rau, củ bán tại các siêu thị là rau, củ sạch theo tiêu chuẩn VietGAP... (từ ngày 28 tháng chạp đến ngày 29 tháng chạp âm lịch, một số mặt hàng rau, củ tại các chợ có giá điều chỉnh tăng thêm 5.000 đồng/kg - 10.000 đồng/kg, tùy mỗi loại và một số

loại giá không thay đổi). Đến trước thời điểm đóng cửa 12 giờ ngày 29 tháng chạp âm lịch tại siêu thị Co.op Mart, mặt hàng rau, củ còn số lượng ít nên siêu thị giảm giá mạnh lên đến 50% so với giá gốc. Diễn biến giá các mặt hàng tại thời điểm ngày 23 tháng chạp đến ngày 29 tháng chạp âm lịch, cụ thể như sau:

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Co.op Mart	Tại các chợ
Rau xà lách tùy loại	đ/kg	60.000 (giá gốc là 74.500)	32.000 - 33.000	25.000 - 40.000
Cà chua	đ/kg	36.000 (ngày 29 AL giảm còn 32.900)	29.000	20.000 - 30.000
Dưa leo	đ/kg	25.000	29.000 (ngày 28 - 29 tháng chạp âm lịch giá tăng lên 35.000)	15.000 - 25.000
Su hào	đ/kg	39.900	29.000	20.000
Cà rốt	đ/kg	29.900 (giá gốc là 35.900)	37.000	18.000 - 25.000
Khoai tây	đ/kg	27.000	41.000 (ngày 28 - 29 tháng chạp âm lịch giảm còn 39.000)	20.000 - 25.000
Hành tây	đ/kg	39.000	39.000	20.000 - 25.000
Đậu cove	đ/kg	39.800	30.000	30.000 - 45.000 - 50.000
Ổ qua	đ/kg	39.900	27.000 (ngày 28 âm lịch tăng lên 62.000 và đến ngày 29 âm lịch giảm còn 30.000)	40.000 - 60.000

b) Từ ngày 18/02/2026 đến ngày 21/02/2026 (nhằm mừng 02 Tết đến mừng 05 Tết âm lịch)

Từ mừng 02 đến mừng 05 Tết âm lịch tại siêu thị Go (hoạt động trở lại từ 10h00 mừng 02 Tết) và siêu thị Mega market (hoạt động trở lại từ 8h00 mừng 04 Tết) thì giá cả không có biến động nhiều so với thời điểm trước Tết nhưng lượng rau củ vẫn chưa dồi dào, khách hàng vẫn còn đi chơi Tết nên nhu cầu mua sắm tại các siêu thị không nhiều. Khi người dân bắt đầu công việc trở lại thì các mặt hàng rau củ tại các siêu thị sẽ dồi dào trở lại nhờ vào các nguồn cung rau củ từ Đà Lạt.

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Mega market	Tại các chợ
Rau xà lách tùy loại	đ/kg	24.900 - 60.000	35.000	10.000 - 20.000
Cà chua	đ/kg	32.900 (giá gốc là 49.900)	39.000	12.000 - 25.000
Dưa leo	đ/kg	25.000	-	5.000 - 7.000

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Mega market	Tại các chợ
Su hào	đ/kg	39.900	-	15.000 - 20.000
Cà rốt	đ/kg	27.900 (giá gốc là 39.000)	32.000	15.000 - 25.000
Khoai tây	đ/kg	27.000 (giá gốc là 42.000)	45.000	25.000 - 30.000
Hành tây	đ/kg	39.900 (giá gốc là 49.900)	29.000	15.000 - 30.000
Đậu cove	đ/kg	39.800	79.000	15.000 - 30.000
Ổ qua	đ/kg	-	32.000	20.000 - 35.000

2.2. Hoa, quả

a) Từ ngày 10/02/2026 đến ngày 16/02/2026 (nhằm ngày 23 tháng chạp đến ngày 29 tháng chạp âm lịch)

Do nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng hoa, quả tăng mạnh vào những ngày cận Tết nên tại các siêu thị, chợ giá bán một số loại hoa, quả từ ngày 26 tháng chạp âm lịch tăng mạnh so với ngày thường, đặc biệt tại các chợ giá bán các loại mặt hàng này có sự chênh lệch khá lớn giữa các tiểu thương tùy theo chất lượng (đến trước thời điểm 12h đóng cửa ngày 29 tháng chạp âm lịch tại các siêu thị thường giá một số mặt hàng hoa, quả còn tồn đọng sẽ được giảm mạnh), cụ thể:

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Co.op Mart	Tại các chợ
Cam sành	đ/kg	13.500	-	35.000 - 40.000 - 45.000
Quýt đường	đ/kg	59.000	69.000	50.000 - 65.000
Dưa hấu đỏ tùy loại	đ/kg	12.000 - 25.000	19.000 - 25.000	25.000 - 30.000
Bưởi da xanh	đ/kg	39.000 (giá gốc là 45.000)	41.900 - 49.000 (tùy loại)	40.000 - 50.000
Mãng cầu (na)	đ/kg	75.000	85.000	60.000 - 80.000 - 100.000
Dừa	đ/trái	18.000 - 27.000	41.000 (ngày 28 âm lịch giảm còn 27.000 và ngày 29 âm lịch giảm còn 14.000)	9.000 - 12.000 - 15.000
Đu đủ	đ/kg	22.000	25.000 - 35.000	35.000
Xoài Cát Chu vàng	đ/kg	59.000	65.000	45.000 - 65.000 - 70.000
Hoa Lay ơn đỏ	đ/bình	-	-	65.000 - 70.000 - 80.000 - 100.000 - 120.000

b) Từ ngày 18/02/2026 đến ngày 21/02/2026 (nhằm mùng 02 Tết đến mùng 05 Tết âm lịch)

Từ mùng 02 đến mùng 05 Tết âm lịch, giá một số trái cây tại siêu thị và tại chợ không có sự biến động nhiều về giá so với thời điểm trước Tết và có một số mặt hàng giá có điều chỉnh giảm nhẹ, cụ thể như:

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Mega market	Tại các chợ
Cam sành	đ/kg	13.500	17.000	25.000 - 40.000
Quýt đường	đ/kg	59.000	-	40.000
Dưa hấu đỏ tùy loại	đ/kg	19.500 (giá gốc là 22.500)	29.000	19.000 - 25.000
Bưởi da xanh	đ/kg	49.000 - 55.000 (giá gốc là 59.000 - 69.000)	-	40.000 - 50.000
Mãng cầu (na)	đ/kg	-	-	65.000 - 100.000
Dừa	đ/trái	24.500	-	8.000 - 15.000 - 20.000
Đu đủ	đ/kg	-	39.000	10.000 - 30.000
Xoài Cát Chu vàng	đ/kg	59.000	49.000	50.000
Hoa Lay ơn đỏ	đ/bình	-	-	80.000 - 100.000

3. Đồ uống

Thời điểm từ ngày 23 đến ngày 29 tháng chạp âm lịch, tại các siêu thị đều có các chương trình giảm giá đối với các mặt hàng bia, nước ngọt hoặc có chương trình mua 02 thùng tặng kèm 01 thùng đựng đá nhỏ; tuy nhiên đến 28 tháng chạp âm lịch thì hầu hết các mặt hàng bia (như Heineken, Tiger loại cao 330ml); các mặt hàng nước ngọt (như Pepsi lon 320ml, Cocacola lon 320ml) tại các siêu thị đều không còn hàng để bán. Tuy nhiên, giá ngoài thị trường cũng biến động tăng không đáng kể, chênh lệch giá không nhiều so với giá tại siêu thị, cụ thể như sau:

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Co.op Mart	Tại các chợ
Bia Heineken lon 330ml	đ/thùng	457.500	460.000	480.000 - 490.000 - 500.000
Bia Tiger lon 330ml	đ/thùng	348.000 (mùng 02 đến mùng 05 Tết âm lịch: 345.000, giá gốc là 352.500)	352.000	360.000 - 410.000
Cocacola lon 320ml	đ/thùng	139.000 (giá gốc là 237.000)	179.000 (giá gốc là 244.000)	170.000 - 180.000

Tên hàng hóa	ĐVT	Siêu thị Go	Siêu thị Co.op Mart	Tại các chợ
		(mùng 02 đến mùng 05 Tết âm lịch: 182.000)		
Pepsi lon 320ml	đ/thùng	185.000	192.000	170.000 - 180.000

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ TRIỂN KHAI

Vào thời điểm cuối năm và nhất là dịp gần đến Tết Nguyên đán, giá cả thị trường luôn có sự biến động, đặc biệt là nhóm hàng công nghệ thực phẩm (bánh kẹo, gia vị, nước mắm, đường, dầu thực vật, sữa các loại, nước uống, nước ngọt đóng chai các loại...), thực phẩm tươi sống (các sản phẩm từ thịt, các sản phẩm từ thủy sản, các sản phẩm từ rau củ quả, trái cây, trứng) do nhu cầu mua sắm tiêu dùng của người dân tăng cao hơn so với những tháng bình thường. Dự kiến dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán (tháng Chạp âm lịch và 02 tuần lễ sau Tết Nguyên đán) nhu cầu của người dân về hàng hóa tăng rất cao (tăng khoảng từ 15% - 20% so với ngày thường) nhất là ở khu vực trung tâm của các xã, phường sẽ tạo đòn bẩy đẩy giá tăng mạnh đối với các loại hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa tiêu dùng. Sức mua tăng cao dẫn đến khả năng hàng hóa sốt ảo, tạo đà tăng giá. Do đó, để đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa, ổn định thị trường hàng hóa và giá cả nhằm đảm bảo an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn tỉnh, địa phương cũng đã ban hành phương án chuẩn bị nguồn hàng, dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 tại Phương án số 01/PA-UBND ngày 16/01/2026; trong đó: giao Sở Công Thương phối hợp với UBND các xã, phường khuyến khích, vận động các Siêu thị, Trung tâm thương mại, các doanh nghiệp phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn chủ động dự trữ hàng phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân trước, trong và sau Tết Nguyên đán; tăng cường tổ chức các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, các khu cụm công nghiệp phục vụ nhân dân trong dịp Lễ, Tết... Bên cạnh đó, địa phương cũng đã ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm triển khai thực hiện công tác quản lý, bình ổn giá trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026⁴.

Ngoài ra, địa phương cũng đã giao Sở Xây dựng chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, đơn vị quản lý, khai thác bến xe

1. Kế hoạch số 10/KH-BCĐ ngày 19/01/2026 triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Công văn số 976/UBND-KTTH ngày 22/01/2026 về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 về việc phân bổ gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và giáp hạt đầu năm 2026; Công văn số 1239/UBND-KTTH ngày 28/01/2026 báo cáo công tác chuẩn bị phục vụ Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 tại Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 01, nhiệm vụ trọng tâm tháng 02/2026; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 02/02/2026 tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Công văn số 1586/UBND-KTTH ngày 05/02/2026 tổ chức trực và báo cáo tình hình trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Công văn số 1675/UBND-XDCT ngày 08/02/2026 của UBND tỉnh tăng cường công tác tổ chức vận tải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội xuân năm 2026; Công văn số 1775/UBND-XDCT ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh tăng cường công tác an toàn điện trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa khô năm 2026.

khách tổ chức phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Lễ, Tết. Theo đó, Sở Xây dựng đã ban hành Văn bản số 56/SXD-VT ngày 06/01/2026 về việc tăng cường công tác quản lý giá cước vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh; đồng thời, rà soát, giám sát việc thực hiện kê khai giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô của các đơn vị vận tải; kịp thời tham mưu xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

III. TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐẦU NĂM 2026

1. Về thu ngân sách nhà nước

Đến ngày 21/02/2026, tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn thực hiện 7.252 tỷ đồng, đạt 26% dự toán năm, vượt 50,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản thu chủ yếu sau:

- Thu xuất nhập khẩu: thực hiện 164,5 tỷ đồng, đạt 32,5% so dự toán năm, vượt 2,7 lần so với cùng kỳ năm trước.

- Thu nội địa: thực hiện 7.087 tỷ đồng, đạt 26,2% so dự toán năm, vượt 50,2% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thực hiện thu nội địa là 5.884 tỷ đồng, đạt 38,6% dự toán năm, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm trước.

2. Về chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 21/02/2026 là 4.317 tỷ đồng, đạt 9,6% dự toán năm. Nhìn chung công tác quản lý chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả và tiết kiệm.

Đồng thời, trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh Gia Lai cân đối, bố trí vào dự toán chi thường xuyên cho ngân sách các xã, phường tại Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 để ngân sách xã, phường chủ động nguồn lực thực hiện các chính sách, cụ thể như sau: cấp bù thủy lợi phí; khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí; phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách...

IV. TÌNH HÌNH BÁO CÁO CỦA CHI CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU VỰC XI

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính, Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI thực hiện báo cáo các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 129/DTKV-QLH ngày 09/02/2026, cụ thể như sau:

- Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI hiện đang quản lý và bảo quản một số mặt hàng dự trữ quốc gia như: lương thực (gạo), vật tư thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn (*xuồng cao tốc tìm kiếm cứu nạn, phao áo*

cứu sinh, phao tròn cứu sinh, nhà bạt cứu sinh các loại, thiết bị đồng bộ chữa cháy rừng, thiết bị khoan cắt, máy khoan phá bê tông, bè nhẹ cứu sinh, thiết bị phóng dây cứu hộ; máy phát điện các loại 100-150kVA, 30kVA và 50kVA) trên địa bàn tỉnh Gia Lai, sẵn sàng xuất cấp theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện Quyết định số 41/QĐ-CDT ngày 23/01/2026 của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất cấp gạo dự trữ quốc gia cho UBND tỉnh Gia Lai để hỗ trợ nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và giáp hạt đầu năm 2026 và Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và giáp hạt đầu năm 2026. Từ ngày 27/01/2026 đến hết ngày 31/01/2026, Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XI đã phối hợp với Sở Y tế tỉnh Gia Lai hoàn thành công tác xuất cấp, giao nhận 1.477,155 tấn gạo (*không thu tiền*) từ nguồn dự trữ quốc gia cho UBND tỉnh Gia Lai để hỗ trợ nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và giáp hạt đầu năm 2026 (*trong đó xuất hỗ trợ dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ là 719,145 tấn; xuất hỗ trợ dịp giáp hạt đầu năm 2026 là 758,010 tấn*), góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Nhìn chung, tình hình công tác quản lý, bình ổn thị trường, giá cả trước, trong và sau Tết Bính Ngọ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai được giữ vững ổn định, tạo tâm lý phấn khởi cho nhân dân và tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2026.

Trên đây là tình hình công tác quản lý, bình ổn thị trường, giá cả dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ thời điểm từ ngày 10/02/2026 đến ngày 21/02/2026 (nhằm ngày 23 tháng chạp âm lịch năm Ất Tỵ đến ngày mùng 05 tháng Giêng âm lịch năm Bính Ngọ) và tình hình thu, chi ngân sách nhà nước đầu năm 2026, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) biết để tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT và Chuyển đổi số - BTC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, CT, Y tế, XD, NN&MT;
- Thống kê tỉnh;
- LĐ+CV VPUBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, T4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
Tình hình giá thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Từ ngày 10/02/2026 đến ngày 21/02/2026, nhằm ngày 23 tháng chạp âm lịch năm Ất Tỵ đến ngày mùng 05 âm lịch năm Bính Ngọ)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 29/BC-UBND ngày 22 / 02 /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Từ ngày 10/02 đến ngày 14/02/2026 (nhằm ngày 23 đến ngày 27 tháng chạp AL)	Từ ngày 15/02 đến ngày 16/02/2026 (nhằm ngày 28 đến ngày 29 tháng chạp AL)	Từ ngày 17/02/2026 (mùng 01 AL)	Từ ngày 20/02 đến ngày 21/02/2026 (nhằm mùng 02 đến mùng 05 AL)
1	2	3	4	4	4	4
1	Gạo tẻ thường	đ/kg	15.500 -> 18.000 -> 25.000	15.500 -> 18.000 -> 25.000	không hoạt động kinh doanh	15.500 -> 18.000 -> 25.000
2	Gạo tẻ ngon (thơm)	đ/kg	16.000 -> 22.000 -> 28.000	22.000 -> 28.000 -> 30.000		17.000 -> 28.000 -> 30.000
3	Nếp cái hoa vàng Hà Nội	đ/kg	25.000 -> 35.000 -> 45.000	25.000 -> 35.000 -> 45.000		30.000 -> 39.000
4	Đậu xanh hạt đãi vỏ	đ/kg	45.000 -> 65.000 -> 95.000	45.000 -> 65.000 -> 95.000		30.000 -> 65.000 -> 63.000
5	Thịt heo hơi	đ/kg	70.000 -> 80.000 -> 90.000	70.000 -> 90.000		67.000 -> 70.000
6	Thịt heo nạc thăn	đ/kg	140.000 -> 150.000	140.000 -> 164.000 -> 170.000		130.000 -> 144.400 -> 164.000
7	Thịt heo móng sấn	đ/kg	109.000 -> 140.000 -> 150.000	140.000 -> 164.000 -> 175.000		114.900 -> 140.000 -> 220.000
8	Thịt ba rọi heo	đ/kg	150.000 -> 160.000	160.000 -> 170.000 -> 180.000		160.000 -> 220.000
9	Thịt sườn non heo	đ/kg	170.000 -> 180.000 -> 203.900	180.000 -> 194.000 -> 200.000		160.000 -> 184.300 -> 200.000
10	Thịt cốt lết heo	đ/kg	112.500 -> 120.000 -> 140.000	130.000 -> 150.000		122.500 -> 140.000 -> 170.000
11	Chân giò heo	đ/kg	100.000 -> 110.000 -> 122.900	120.000 -> 134.000		120.000 -> 134.900 -> 140.000
12	Xương ống heo	đ/kg	80.000 -> 90.000 -> 103.900	85.000 -> 110.000 -> 143.000		100.000 -> 114.900 -> 120.000
13	Thịt bò đùi loại I	đ/kg	250.000 -> 270.000 -> 289.000	260.000 -> 289.000		250.000 -> 265.000 -> 270.000
14	Thịt bò thăn	đ/kg	250.000 -> 278.000 -> 289.000	260.000 -> 270.000 -> 289.000		245.000 -> 278.000
15	Thịt bò bắp	đ/kg	210.000 -> 240.000	220.000 -> 230.000 -> 250.000		230.000 -> 240.000 -> 250.000
16	Gà mái ta còn sống	đ/kg	130.000 -> 150.000	140.000 -> 165.000		130.000 -> 150.000
17	Gà công nghiệp làm sẵn nguyên con	đ/kg	75.000 -> 90.000	110.000 -> 120.000		140.000
18	Cá lóc	đ/kg	119.000 -> 149.000 -> 165.000	119.000 -> 149.000 -> 165.000		119.000 -> 150.000
19	Cá chép	đ/kg	70.000 -> 100.000	70.000 -> 100.000		40.000 -> 75.000
20	Cá thu	đ/kg	250.000 -> 350.000 -> 400.000	359.000 -> 400.000 -> 450.000		180.000 -> 270.000 -> 359.000
21	Tôm thẻ chân trắng	đ/kg	200.000 -> 265.000	199.000 -> 250.000 -> 265.000		250.000 -> 265.000
22	Mực ống	đ/kg	220.000 -> 350.000 -> 419.000	270.000 -> 419.000 -> 465.000		300.000 -> 419.000
23	Rau xà lách cuộn	đ/kg	25.000 -> 30.000 -> 35.000	33.000 -> 40.000 -> 50.000		15.000 -> 20.000 -> 24.900
24	Rau xà lách lô lô xanh	đ/kg	30.000 -> 60.000	40.000 -> 60.000		10.000 -> 35.000 -> 60.000
25	Bắp cải trắng	đ/kg	14.900 -> 20.000 -> 29.000	14.900 -> 20.000 -> 29.000		8.000 -> 14.900 -> 19.000
26	Cải xanh (cải ngọt)	đ/kg	15.000 -> 21.200 -> 35.900	21.200 -> 25.900 -> 40.000		5.000 -> 25.000
27	Cải bó xôi	đ/kg	15.000 -> 22.900 -> 39.000	22.900 -> 35.000 -> 40.000		12.000 -> 30.000 -> 46.000
28	Cà chua	đ/kg	20.000 -> 29.000 -> 36.000	29.000 -> 36.000		12.000 -> 25.000 -> 39.000
29	Bí xanh	đ/kg	15.000 -> 21.000 -> 29.900	20.000 -> 21.000 -> 29.900		10.000 -> 19.000 -> 29.900
30	Dưa leo	đ/kg	15.000 -> 29.000	25.000 -> 35.000		5.000 -> 25.000
31	Su hào	đ/kg	20.000 -> 29.000 -> 39.900	20.000 -> 29.000 -> 39.900		15.000 -> 20.000 -> 39.900
32	Cà rốt	đ/kg	18.000 -> 29.000 -> 37.000	25.000 -> 29.000 -> 37.000		15.000 -> 25.000 -> 32.000
33	Khoai tây	đ/kg	20.000 -> 27.000 -> 41.000	25.000 -> 27.000 -> 41.000		25.000 -> 27.000 -> 45.000
34	Hành tây	đ/kg	20.000 -> 39.000	25.000 -> 39.000		15.000 -> 20.000 -> 39.900
35	Đậu cô ve	đ/kg	24.600 -> 39.800 -> 50.000	30.000 -> 39.800 -> 50.000		15.000 -> 39.800 -> 79.000
36	Ô qua	đ/kg	27.000 -> 40.000	39.900 -> 60.000 -> 62.000		20.000 -> 35.000

STT	Mặt hàng	ĐVT	Từ ngày 10/02 đến ngày 14/02/2026 (nhằm ngày 23 đến ngày 27 tháng chạp AL)			Từ ngày 15/02 đến ngày 16/02/2026 (nhằm ngày 28 đến ngày 29 tháng chạp AL)			Từ ngày 17/02/2026 (mùng 01 AL)	Từ ngày 20/02 đến ngày 21/02/2026 (nhằm mùng 02 đến mùng 05 AL)
1	2	3	4			4			4	4
37	Cam sành loại 1	đ/kg	13.500	->	35.000	->	40.000	->	45.000	13.500 -> 25.000 -> 40.000 40.000 -> 59.000 19.000 -> 25.000 -> 29.000 40.000 -> 50.000 -> 55.000 65.000 -> 100.000
38	Quýt đường	đ/kg	50.000	->	65.000	->	69.000	->	69.000	
39	Dưa hấu đỏ	đ/kg	15.000	->	21.000	->	29.000	->	30.000	
40	Bưởi da xanh loại 1	đ/kg	40.000	->	49.000	->	59.000	->	50.000	
41	Mãng cầu (na)	đ/kg	60.000	->	75.000	->	85.000	->	120.000	
42	Dừa	đ/cái	9.000	->	18.000	->	41.000	->	27.000	không hoạt động kinh doanh 8.000 -> 15.000 -> 24.500 10.000 -> 30.000 -> 39.000 49.000 -> 50.000 -> 59.000 120.000 -> 180.000 -> 240.000 160.000 -> 238.000 -> 310.000 70.000 -> 110.000 99.000 -> 110.000 30.000 -> 32.500 -> 33.000 21.000 -> 22.000 -> 26.500 28.000 -> 31.000 -> 32.800 300.000 -> 350.000 30.000 -> 32.000 3.000 -> 35.000 -> 38.000 94.900 -> 119.000 -> 140.000 490.000 -> 500.000 345.000 -> 352.000 -> 400.000 170.000 -> 182.000 170.000 -> 195.000 100.000 -> 112.000 -> 125.000 150.000 -> 175.000 -> 180.000 140.000 -> 169.000 -> 189.000 55.000 -> 80.000 -> 100.000 1.040.000 880.000 2.000 -> 5.000 3.000 -> 10.000 10.000 -> 20.000 -> 30.000 15.000 -> 20.000 -> 40.000 10.000 -> 20.000 -> 49.000
43	Đu đủ	đ/kg	22.000	->	35.000	->	35.000	->	35.000	
44	Xoài Cát Chu vàng	đ/kg	45.000	->	59.000	->	65.000	->	70.000	
45	Giò lụa loại cây 1kg	đ/cây	180.000	->	198.000	->	240.000	->	240.000	
46	Giò bò loại cây 1kg	đ/cây	307.000	->	330.000	->	350.000	->	350.000	
47	Bánh chưng cây 1kg	đ/cây	95.000	->	102.000	->	125.000	->	110.000	
48	Lạp xưởng Mai Quế Lộ Vissan gói 500g	đ/gói	99.000	->	110.000	->	110.000	->	110.000	
49	Bột ngọt Ajinomoto gói 454g	đ/gói	31.000	->	32.400	->	35.000	->	35.000	
50	Đường trắng	đ/kg	19.000	->	24.000	->	31.000	->	31.000	
51	Đường tinh luyện Biên Hòa gói 1kg	đ/kg	28.000	->	30.600	->	32.800	->	32.800	
52	Mãng khô	đ/kg	300.000	->	400.000	->	400.000	->	400.000	
53	Trứng gà công nghiệp	đ/chục	28.000	->	30.000	->	32.000	->	32.000	
54	Trứng vịt	đ/chục	35.000	->	38.700	->	41.000	->	41.000	
55	Rượu vang Đà Lạt trắng 12% loại chai 750ml	đ/chai	94.900	->	121.000	->	121.000	->	121.000	
56	Bia Heineken lon 330ml	đ/thùng	457.500	->	460.000	->	480.000	->	500.000	
57	Bia Tiger lon 330ml	đ/thùng	348.000	->	382.000	->	405.000	->	405.000	
58	Cocacola lon 320ml	đ/thùng	165.000	->	170.000	->	180.000	->	180.000	
59	Pepsi lon 320ml	đ/thùng	170.000	->	185.000	->	192.000	->	192.000	
60	Bánh Kinh Đô Cosy hộp thiếc 390g	đ/hộp	100.000	->	112.000	->	125.000	->	125.000	
61	Hạt dưa	đ/kg	150.000	->	180.000	->	259.000	->	259.000	
62	Hạt bí	đ/kg	130.000	->	165.000	->	229.000	->	229.000	
63	Lay on Đà Lạt màu đỏ	đ/chục	65.000	->	80.000	->	80.000	->	120.000	
64	Cước ô tô liên tỉnh:	đ/lượt								
-	Tuyến Quy Nhơn (Gia Lai) đi TP.Hồ Chí Minh		650.000			650.000				
-	Tuyến Pleiku (Gia Lai) đi TP.Hồ Chí Minh		550.000			550.000				
65	Giá dịch vụ trông giữ xe đạp	đ/lượt	2.000	->	5.000	->	2.000	->	5.000	
66	Giá dịch vụ trông giữ xe máy	đ/lượt	3.000	->	10.000	->	3.000	->	10.000	
67	Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô chở người	đ/lượt								
-	Từ 15 chỗ ngồi trở xuống:	"	10.000	->	20.000	->	30.000	->	30.000	
-	Trên 15 chỗ ngồi:	"	15.000	->	20.000	->	40.000	->	40.000	
68	Vé tham quan các điểm du lịch	đ/lần/ người	10.000	->	20.000	->	49.000	->	49.000	